

Trong Trang Suy niệm của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam  
THÔNG ĐIỆP "ĐƯỢC CỨU RỒI NHỜ HY VỌNG" (SPE SALVI) CÔNG BỐ NGÀY  
30-11-2007

Ngày: 27/12/2007

Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng" (Spe Salvi) công bố ngày 30-11-2007

### **Đôi lời giới thiệu**

Ngày 30 tháng 11 năm 2007, Đức Giáo hoàng Bênêdictô XVI đã ký đồng thời cho công bố Thông điệp thứ II của ngài, mang tựa đề "Spe Salvi"(Được Cứu rồi nhờ Hy vọng) trình bày giáo huấn về Niềm Hy vọng Kitô giáo. Thông điệp thứ I là "Deus Caritas est" (Thiên Chúa là Tình Yêu ), trình bày giáo huấn về Đức ái Kitô giáo.

Chính Đức Thánh Cha Benedicô XVI, trong hai ngày liên tiếp, đã giới thiệu và nói tới ý hướng của mình liên quan tới Bức Thông điệp thứ hai của mình. Lần thứ nhất vào buổi hát Kinh Chiều I Chúa Nhật I Mùa Vọng, tại Đền Thờ Thánh Phêrô. Ngài giới thiệu Thông điệp cho toàn thể Giáo Hội. Ngài nói như sau: "Anh Chị em thân mến, tất cả buổi phụng vụ kinh chiều hôm nay mời gọi chúng ta hướng về Hy vọng, khi chỉ cho chúng ta từ chân trời của lịch sử ánh sáng của Chúa Cứu Thế đang đến... Nói về chủ đề Hy vọng, tôi đã muốn dành Thông điệp thứ II của tôi, mới được công bố hôm qua. Tôi vui mừng hiến tặng trong tinh thần món quà này cho toàn thể Giáo Hội vào Ngày Chúa Nhật I Mùa Vọng, để trong thời gian chuẩn bị Lễ Giáng Sinh thánh thiện này, các cộng đoàn và từng tín hữu có thể đọc Thông điệp này và suy nghĩ, hầu có thể tái khám phá ra vẻ đẹp và chiều sâu của Niềm Hy vọng Kitô giáo. Niềm Hy vọng này gắn liền chặt chẽ không thể nào tách rời ra khỏi sự hiểu biết chân dung của Thiên Chúa, chân dung mà Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, đã mạc khải cho chúng ta qua việc nhập thể của mình, qua cuộc sống trần thế và việc rao giảng, nhất là qua sự chết và sống lại của mình. Niềm Hy vọng thực sự và chắc chắn được đặt trên nền tảng đức tin vào Tình yêu của Thiên Chúa, là Cha nhân hậu, Đấng đã yêu thế gian đến nỗi ban Con Một của mình (Ga 3,16) để con người và tất cả tạo vật có được sự sống dồi dào (x. Ga 10,10). Mùa Vọng là thời gian thật thích hợp để tái khám phá ra một Niềm Hy vọng không mơ hồ và ảo tưởng, nhưng là Niềm Hy vọng chắc chắn và đáng tin cậy, bởi vì Niềm Hy vọng này được bén rễ sâu vào Chúa Kitô, Vị Thiên Chúa làm người, là đá tảng của sự cứu rỗi của chúng ta..."

Rồi vào sáng Chúa Nhật I Mùa Vọng (2-12-2007), trong Thánh Lễ cử hành tại Nhà nguyện của Bệnh viện Thánh Gioan Baotixita, ở Rôma, cơ sở của Hội Hiệp sĩ Malta. Lần này trong bài giảng, ngài muốn gửi Thông điệp II này cho Giáo phận Rôma. Ngài nói như sau: "Chính vì Mùa Vọng là thời gian chờ đợi, nên Mùa Vọng trở thành thời gian của Niềm Hy vọng và của Niềm Hy vọng Kitô giáo mà tôi muốn công hiến Thông điệp II của tôi, mới được chính thức công bố cách đây hai ngày, Thông điệp

này mở đầu với những lời Thánh Phaolô nhấn gửi giáo đoàn Rôma: "Chúng ta Được Cứu rồi nhờ Hy vọng (Spe Salvi facti sumus, Rm 8,24). Trong Thông điệp tôi đã viết rằng "Chúng ta cần có những hy vọng “bé nhỏ hay lớn lao” mà mỗi ngày chúng nâng đỡ chúng ta trong cuộc hành trình. Nhưng nếu chúng ta không có Niềm Hy vọng lớn lao, là điều phải vượt trời tất cả, thì các hy vọng nhỏ này không đủ. Niềm Hy vọng lớn lao này chỉ có thể là chính Thiên Chúa, chỉ có Thiên Chúa mà thôi mới ôm ấp tất cả vũ trụ và mới có thể giới thiệu và trao ban cho chúng ta điều mà tự sức chúng ta không thể có được" (Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng", s. 31). Sự chắc chắn rằng chỉ có Thiên Chúa mới có thể là Niềm Hy vọng vững vàng, điều này làm sống động tất cả chúng ta ... Và tôi muốn mượn dịp này... để trao gửi một cách thiêng liêng Thông điệp này cho cộng đồng tín hữu tại Rôma... "

Trở lại với việc công bố Thông điệp, cũng trong cùng ngày 30-11-2007, vào lúc 11 giờ 30 tại Phòng Báo chí Tòa Thánh, Đức Hồng y Albert Vanhoye S.J. nguyên giáo sư Học viện Kinh Thánh, và Đức Hồng y Georges Marie Martin Cottier, O.P., nguyên Thần học gia Phủ Giáo hoàng, đã trình bày Thông điệp Được Cứu rồi nhờ Hy vọng cho báo chí. Cha F. Lombardi, S.J., phát ngôn viên của Phòng Báo chí Tòa Thánh cũng có một tuyên ngôn ngắn về Thông điệp này.

Tôi xin tóm lược mấy điểm để giúp hiểu biết sơ qua về Thông điệp II của Đức Thánh cha Benedicô XVI.

## 1. Tựa đề và cơ cấu

Thông điệp II của Đức Thánh cha mang tựa đề Spe Salvi, mà tôi xin tạm dịch "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng". Tựa đề thật là ngắn gọn, chỉ có tám vần hai chữ trong tiếng Latinh. Điều này cũng làm mọi người chú ý và đọc xem nội dung sẽ được Đức Thánh cha trình bày thế nào! Và nhất là thông điệp lại nói về Niềm Hy vọng, sự cậy trông, điều thật tự nhiên, vì ai trong chúng ta cũng mang nơi mình không biết bao nhiêu hy vọng, hoặc lớn hoặc nhỏ (x. Được Cứu rồi nhờ Hy vọng, s. 30), nhưng lại không diễn tả được rõ ràng Niềm Hy vọng là gì. Trong đời sống đạo, chúng ta có Kinh Tin, Cây và Kinh Mến, mà mọi người đã thuộc, nhưng khi đọc Kinh Cây, mà thời xưa, ở miền Bắc Việt Nam, khi đi thi kinh bốn vào dịp Mùa Chay, các thí sinh hay đọc lẫn lộn với Kinh Tin.

Xét về cơ cấu, Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng" gồm có 50 số, và dùng tới 160 lần từ ngữ Hy vọng (danh từ hay động từ, tính từ theo bản tiếng Ý) và được chia ra làm hai phần. Nhưng hai phần này lại không được nhận ra một cách rõ rệt như trong Thông điệp Thiên Chúa là Tình Yêu. Người ta chỉ nhận ra sự phân chia này qua bản văn Latinh, được đăng trên báo L'osservatore Romano, số ra ngày 1-12-2007, và qua ý tưởng chính được trình bày trong đó. Hình như Đức Thánh cha Benedicô XVI muốn viết một cách liên tục dòng tư tưởng suy tư của mình mà không muốn bị cắt

quãng do một lối phân chia nào. Do đó, người đọc cũng được mời gọi đọc một cách liên tục chính Thông điệp "Được Cứu rỗi nhờ Hy vọng".

Hai phần của Thông điệp "Được Cứu rỗi nhờ Hy vọng" được nhận ra như sau:

Phần thứ I: Niềm Hy vọng và những quan niệm liên quan đến Niềm Hy vọng (s. 2-31).

Phần thứ II: Các nơi chốn giúp học biết và sống Niềm Hy vọng (s. 32-48).

Ngoài ra, chúng ta có lời mở đầu trong số 1 và lời kết thúc trong số 49 và 50. Trong lời kết thúc, chúng ta có một kinh nguyện với Mẹ Maria thật tuyệt vời, mà tôi xin tạm dịch ở cuối bài này.

## **2. Nội dung của Thông điệp "Được Cứu rỗi nhờ Hy vọng"**

Bây giờ, chúng ta nói về nội dung của Thông điệp "Được Cứu rỗi nhờ Hy vọng" theo những lời trình bày của hai Đức Hồng y giới thiệu Thông điệp vào sáng ngày 30-11-2007, trước khi đọc chính Thông điệp này.

Trước tiên, hai vị Hồng y xác nhận Thông điệp bàn một cách đặc biệt về Niềm Hy vọng quả thực là một món quà cho Giáo Hội khi bước vào Mùa Vọng năm nay. Một món quà thật là thích hợp, đúng lúc cho thời đại chúng ta, khi Thông điệp đáp ứng lại các nhu cầu mục vụ hiện tại của đoàn chiên được trao phó cho Đức Thánh cha. Vì thế, Niềm Hy vọng có một tầm mức thật quan trọng vào thời đại chúng ta (s.1), vì con người thời nay, cũng như những người dân thành Êphêsô trước khi tin Chúa Kitô, sống như những người không tin có Thiên Chúa và không có Niềm Hy vọng (x. Ep 2,12). Đây là một bài suy niệm thật hay về một thực tại gắn liền với cuộc sống, sự hiện hữu của con người và có sức giải thoát con người. Cha Lombardi còn nói rằng: "Trong khi dành Thông điệp thứ hai của ngài để trình bày Niềm Hy vọng, Đức Thánh cha Benedictô XVI với cách thức thật sâu sắc đã chọn trình bày một trong những vấn đề cấp bách nhất và bi thảm nhất của thời đại chúng ta... Vì thế, chúng ta biết ơn Đức Thánh cha Benedictô XVI vì một lần nữa, với sức mạnh và sự dạn dày, với tính cách nghiêm túc, khắt khe và với tinh thần sâu sắc, ngài đã đem chúng ta trở lại với các vấn đề mang tính quyết định của các đề nghị của Kitô giáo cho con người và cho thế giới: những vấn đề mà rất nhiều lần chúng ta hầu như rơi vào tình trạng quên lãng chúng, trong khi chính do những vấn đề đó mà cuộc sống của con người tùy thuộc vào, cũng như hành trình của thế giới được tiến triển".

Nhưng Niềm Hy vọng có thể cứu rỗi chúng ta là Niềm Hy vọng nào? Một Niềm Hy vọng nào có thể giúp chúng ta đương đầu với hiện tại đầy khó khăn? Niềm Hy vọng trao ban cho chúng ta sự bảo đảm là sẽ đạt được đích cuối cùng, cho dù chúng ta chưa biết rõ cái đích cuối cùng sẽ đến là gì? (s. 1). Niềm Hy vọng là một từ chính yếu của Kinh Thánh, một từ đi đôi với từ đức tin (s. 2). Như những người dân tại Êphêsô, Niềm Hy vọng này là chính đức tin vào Thiên Chúa. Trước khi họ chưa tin vào Chúa Kitô, thì họ như người không có Niềm Hy vọng, lý do là họ không có Thiên Chúa (Ep 2,12), họ chưa gặp gỡ Thiên Chúa (s. 3).

Thông điệp đã trình bày những suy tư rất sâu xa về những mối tương quan giữa Niềm Hy vọng Kitô giáo và Đức tin Kitô giáo và sự thay đổi tâm thức của con người thời nay trước Niềm Hy vọng Kitô giáo. Điều này được nhận ra nhất là khi Thông điệp dựa vào thư gửi tín hữu Do Thái (x. s. 7) để trình bày vấn đề đức tin như là điều cốt yếu, những gì người ta mong đợi (x. Dt 11,1). Ngày nay, người ta thấy nhân loại đặt cuộc sống trong hai viễn tượng, viễn tượng vật chất, hoàn toàn coi vật chất như là lý do của cuộc sống con người; và viễn tượng Đức Tin được chủ trì bởi Đức Cậy, bởi Niềm Hy vọng.

Niềm Hy vọng cũng được bàn tới trong bối cảnh Cựu Ước (s. 2), được coi như là một cuộc gặp gỡ của từng cá nhân với Thiên Chúa hằng sống và diễn tiến trong chiều hướng đi về Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế sẽ đến mà Giao Ước đã nói tới.

Vào thời kỳ đầu Kitô giáo, người ta đã nhận ra những chứng tích về Niềm Hy vọng qua các bia mộ của các tín hữu đầu tiên, tại các hang toại đạo ở Rôma, khi người ta thấy hình vẽ Chúa Kitô như là một triết gia dạy nhân loại cách thức làm người cho đúng cách, dạy nhân loại con đường khôn ngoan để đạt tới phúc trường sinh, dạy họ nghệ thuật sống và chết (s. 6). Nhưng cuộc sống trường sinh là gì? Đức Thánh cha đã phân tích kỹ càng và sâu sắc trong các số 10-12 của Thông điệp. Nhiều người coi cuộc sống trường sinh là điều không thể ước muốn được, và vì thế không thể đạt được hay chiếm hữu được. Vì thế, họ chỉ muốn kéo dài cuộc sống hiện tại chứ không muốn chết ngay. Theo Đức Thánh cha, dựa vào thư của Thánh Augustinô gửi cho quả phụ Proba cuộc sống trường sinh không phải là chuỗi ngày liên tục kế tiếp nhau, nhưng là một cái toàn thể mà chúng ta mong muốn đạt được. Như vậy, cái toàn thể ồm ấp chúng ta và ngược lại, chúng ta ôm ấp, cưu mang chính cái toàn thể, cái trọn vẹn này. Niềm Hy vọng đi theo chiều hướng này là mong mỏi, ước muốn cái trọn vẹn này sẽ tới.

Một câu hỏi thường được Đức Thánh cha đặt ra trong Thông điệp của ngài "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng": Niềm Hy vọng mang tính cách cá nhân hay cộng đồng? (s. 13). Trong tâm thức của người thời nay, thì hy vọng chỉ quy về cá nhân mà thôi. Theo các Giáo phụ, thì Niềm Hy vọng Kitô giáo phải là một Niềm Hy vọng cộng đồng (s. 14).

Thông điệp cũng cho thấy tâm thức duy khoa học ngày nay, nhất là do ảnh hưởng của Francis Bacon (một nhà triết học thực nghiệm người Anh) vào cuối thế kỷ XV, với cuốn *Novum Organum* (Cơ chế mới), đã trình bày Niềm Hy vọng với những khía cạnh tiêu cực, làm hại cho niềm xác tín và việc sống Niềm Hy vọng Kitô giáo. Theo triết gia này, khi khoa học tiến bộ, người thời nay chỉ còn tin vào tiến bộ của khoa học, và làm sao để các tiến bộ này chữa trị những đổ vỡ, những mất mát về một Thiên đàng bị huỷ hoại, không còn có thể chiếm hữu được do sức con người (s. 16 tt). Vì thế, người thời nay mất đi cái chính yếu của Niềm Hy vọng Kitô giáo.

Từ đây, Đức Thánh cha đã bàn tới hai vấn đề liên hệ mật thiết với Niềm Hy vọng Kitô giáo, đó là Lý trí và Tự do (s. 30). Ngày nay, có biết bao thay đổi trong cơ chế chính trị hầu mong đem lại cho con người những gì mà họ hy vọng, mong muốn. Nhưng các cơ cấu chính trị này đã không đạt được mục đích, và đã thất bại, kể cả cuộc cách mạng cộng sản được gợi hứng từ lý thuyết của Karl Marx (s. 18.24-29). Tiếp theo, Thông điệp đã nói tới những con đường giúp làm nảy sinh và giúp thực hành Niềm Hy vọng Kitô Giáo. Các nơi và môi trường này là: việc cầu nguyện, là chính khi hành động và khi chịu đựng các đau khổ trong cuộc sống và việc suy nghĩ về Cuộc Phán xét sau hết (s. 32-48).

Trong bài giảng của Thánh Augustinô về thư I của Thánh Gioan, chúng ta có được những chỉ dẫn về việc liên hệ giữa cầu nguyện và hy vọng (s. 33). Cầu nguyện không đem con người ra khỏi lịch sử, nhưng làm cho con người có khả năng đón nhận Thiên Chúa và đón nhận người khác. Như vậy, cầu nguyện mang cho con người những hy vọng thật lớn lao và bao gồm cả người khác vào trong Niềm Hy vọng của mình.

Tiếp đến, Niềm Hy vọng Kitô giáo không phải cứ ngồi không mà chờ đợi, nhưng là bắt tay để hành động hầu đạt tới điều mình Hy vọng cho mình và cho người khác, hy vọng lớn lao hay hy vọng bình thường trong cuộc sống. Càng hành động, con người càng hy vọng nhiều (s. 35). Ngay cả đau khổ cũng là trường dạy hy vọng và nơi thực hành Niềm Hy vọng Kitô giáo, mà lại là trường ưu tiên giúp chúng ta trong việc này. Vì thế người tín hữu không trốn chạy đau khổ, nhưng ý thức chấp nhận vì biết rằng các đau khổ thanh luyện con người, làm cho con người thêm trưởng thành và đến gần Thiên Chúa, khi con người đau khổ biết kết hợp với Chúa Kitô (s. 37).

Sau cùng, một trường học khác giúp con người sống trọn vẹn Niềm Hy vọng Kitô giáo - đó là hướng về Cuộc phán xét sau cùng. Vì suy niệm về Cuộc Phán xét giúp người tín hữu sống trọn lành, xa tránh sự dữ và làm cho mình sẵn sàng đón nhận Thiên Chúa trong chính sự đời đời và hạnh phúc của Ngài. Về cuộc sống mai sau, Thông điệp đã cho chúng ta những giải thích, trình bày thật quý báu về thiên đàng, luyện ngục, việc cầu nguyện cho người đã qua đời, và về hỏa ngục, như Sách Giáo lý Giáo hội Công giáo đã dạy. Trong phần này, Thông điệp cũng đã bàn tới vấn đề thật lớn lao về sự dữ và sự công chính của Thiên Chúa (s. 41 tt.).

Sau cùng, trong phần kết, Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng" mời gọi chúng ta chiêm ngắm Mẹ Maria là "ngôi sao sáng ngời của Hy vọng" (s. 49). Chúng ta có một lời kinh thật tuyệt vời cầu khẩn với Mẹ Maria (s. 50).

Để thêm phần xác tín về Niềm Hy vọng Kitô giáo và việc thực hành Niềm Hy vọng Kitô giáo, Thông điệp còn đưa ra những chứng từ thật cảm động về Niềm Hy vọng Kitô giáo, như Thánh Augustino (s. 11-12.15); Thánh nữ Giuseppina Bakhita, người Sudan, sống vào những năm 1800 (s. 3); Thánh linh mục Việt Nam Phaolô Lê Bảo

Tịnh (s. 37); Đức Hồng y Việt Nam Phanxicô Xavier Nguyễn Văn Thuận (s. 31 và 34).

### **3. Suy tư triết học trong Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng"**

Chúng ta phải nhận rằng Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng" mang tính chất triết học khá rõ rệt. Thông điệp đã dùng những từ triết học, như hypostasis - substantia (s. 7), habitus (s. 7), hyparchonta” proprietas (s. 8), "tính cách tân thời" (la modernité, s. 16)... cần được giải thích trước khi đọc chính bản văn. Thông điệp đã nói tới các triết gia, như Platon (s. 44), Francis Bacon, Kant (s. 19), Karl Marx (s. 20. 21), Friedirich Engels (s. 20), Theodor W. Adorn (s.21), Augustinô (s. 12. 28), Tôma Aquino (s. 7), Benadô (s. 15), Maxime le Confesseur (s. 28), Henri de Lubac (s. 12), với các lý thuyết triết học của họ.

Để hiểu được ý nghĩa của khía cạnh triết học trong Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng", chúng ta có thể rút ra những điểm nằm trong bài trình bày của Đức Hồng y Georges Marie Martin Cottier, O.P, về Thông điệp này.

Khía cạnh triết học này bàn về tính cách "tân thời" (la modernité) của xã hội và lịch sử hiện đại, cũng như các lý do của cuộc khủng hoảng hiện đại. Trên đây, chúng ta đã ghi nhận điều Thông điệp nói tới ảnh hưởng của triết gia Francis Bacon.

Nhưng trước tiên là khía cạnh triết học và nhân học của Niềm Hy vọng. Điều này Thánh Augustinô đã cho chúng ta một lối giải thích về cái thao thức tự thâm tâm nơi con người, và chỉ khi nào hoàn toàn tìm gặp được Thiên Chúa, thì con tim con người mới được nghỉ yên. Ở đây Thánh Augustinô nói tới một điều mơ ước thực sự, nhưng chưa rõ đối tượng mơ ước là gì, vì thế Thánh nhân gọi là "sự dốt nát thông minh" (docta ignorantia). Dốt nát vì không rõ điều mơ ước đích thực, nhưng có mơ ước, là đã có được một phúc may và có được một điều đòi hỏi có trí thông minh, có lý trí rồi. Niềm Hy vọng kitô giáo là mơ ước thật cao cả, mơ ước chính Thiên Chúa, hạnh phúc lớn lao, nhưng lại không nắm được điều mình mơ ước trong cái nhỏ bé của trí thông minh của mình. Do đó, Niềm Hy vọng Kitô giáo lại liên hệ với đức tin, được tác giả thư gửi Tín Hữu Do Thái diễn tả như là "Đức tin là bảo đảm cho những điều ta hy vọng, là bằng chứng cho những điều ta không thấy" (Dt 11,1) (s. 7).

Vì con người dốt nát trong việc thực hành Đức Tin và Niềm Hy vọng, nên Chúa Kitô đã đến như là một triết gia, chỉ đường khôn ngoan, thông thái cho con người. Hình ảnh Chúa Kitô là một triết gia, được vẽ trong các hòm đựng người chết trong thời cổ của Kitô giáo, mang ý nghĩa này (s. 6).

Trở lại với "tính cách tân thời" (modernité) là nguyên nhân cho mọi cuộc khủng hoảng trong thời hiện đại, như Thông điệp Được Cứu rỗi nhờ Hy vọng trình bày. Vào thế kỷ 16, khi khoa học tiến bộ, con người đã đem niềm tin của mình vào khoa học, vào tiến bộ của khoa học, và chờ mong mọi giải đáp từ khoa học và tiến bộ, thay thế cho niềm tin Kitô giáo (s. 16-31). Đó là nguyên nhân của khủng hoảng tôn giáo, lý trí, luân lý trong xã hội thời nay. Theo thuyết này, ơn cứu rỗi không đến từ Chúa Kitô, nhưng từ tiến bộ của khoa học. Từ nay, con người làm chủ định mệnh của mình, làm chủ tiến bộ và lịch sử thế giới. Người ta sẽ có một thế giới mới, thế giới của con người do khoa học tạo ra cho họ. Đó là nét tiêu biểu của thời đại mang "tính cách tân thời" này. Con người càng tin vào tiến bộ thì càng tỏ ra mình là người "tân thời"

Trong thế giới "tân thời" này, lý trí và tự do trở thành trung tâm của mọi suy tư triết học, khoa học và nhân học, cũng như các khoa học phụ thuộc như xã hội học và chính trị học. Người ta càng tiến bộ khi càng làm chủ lý trí và lý trí này được coi như là quyền lực tạo ra sự thiện và trợ giúp cho sự thiện. Rồi khi con người càng "tân thời" khi họ càng muốn giảm bớt các mối tùy thuộc nơi các thực tại khác, trong bất cứ phạm vi nào, siêu hình, tự nhiên hay tôn giáo. Đó là cái nguy của một lối nhìn về tự do theo chủ thuyết mang danh tân thời.

Trong cái nhìn "tân thời" này về lý trí và tự do, không thể nào có được chỗ đứng cho đức tin và Giáo Hội. Lý trí và tự do mang một khả năng cách mạng thật lớn lao và sẵn sàng để nổ tung ra (s. 18). Và chúng ta đã thấy cuộc cách mạng của Pháp vào năm 1789 và cuộc cách mạng của Nga năm 1918.

Sau cuộc cách mạng của Pháp năm 1789, Nhóm Ánh sáng (Illuminisme) đã coi như là đạt được mục đích và thành quả của lý trí và tự do. Nhưng các biến cố tiếp theo làm cho họ phải đặt lại vấn đề. Vì các vấn đề đã không thể được giải quyết hết. Chính triết gia Kant đã nhận ra điều này.

Thế rồi Karl Marx đã đưa ra một đề án khác để giải quyết vấn đề. Đó là lực lượng giải phóng và suy tư nằm trong giai cấp vô sản. Thế giới vô sản này phải vùng lên, như cuộc cách mạng Nga vào năm 1918 (s. 20).

Nhưng Thông điệp "Được Cứu rỗi nhờ Hy vọng" đã nhận xét sự sai lầm của Karl Marx (s. 21), vì ông đã không đưa ra điều phải làm sau cuộc cách mạng, do đó xảy ra hỗn loạn lại càng lớn lao hơn và độc tài đã nắm quyền thay cho giới vô sản lao động. Đảng khác Karl Marx đã chỉ tin vào vật chất mà bỏ chiều kích siêu nhiên của con người.

Và từ đây, con người lại càng khao khát một thế giới tốt đẹp hơn. Họ vẫn còn hỏi: Chúng ta có thể hy vọng gì nữa không? Vì thế, cần phải đặt ra vấn đề Niềm Hy vọng đích thực cho con người thời nay, sau thời kỳ mệnh danh là "tân tiến". Do đó, số 22-23

của Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng" có tầm mức mục vụ văn hoá thật quan trọng. Trước tiên người tín hữu phải kiểm thảo tinh thần "tân tiến" trong viễn tượng của Kitô giáo và Niềm Hy vọng Kitô giáo; rồi họ phải học hỏi lại cho biết thế nào là Niềm Hy vọng Kitô giáo; và học hỏi ở đâu? Họ cũng phải kiểm thảo chính Kitô giáo thời nay, khi biết nhìn lại căn nguyên của mình từ Chúa Kitô và Phúc Âm của Ngài.

Người ta phải tự đặt câu hỏi: Tiến bộ là gì? Nó cho phép làm điều gì? Và không cho phép làm điều gì? Tiến bộ chỉ đúng thực sự khi nó đi đôi với việc chống lại sự dửng dưng và làm phát triển sự tăng trưởng con người nội tâm, tiến bộ phải đi đôi với việc huấn luyện luân lý cho con người. Nếu không như thế, thì không phải là tiến bộ đích thực.

Còn vấn đề lý trí và tự do thì Thông điệp đã đưa ra những cách chữa trị nào? Lý trí là ân huệ của Thiên Chúa ban cho con người và trợ giúp cho đức tin. Lý trí cần được đặt vào trong cái toàn thể và trọn vẹn của nó. Vì thế, khi lý trí biết mở ra để đón nhận sức mạnh cứu rỗi của đức tin, để phân biệt thiện ác, thì nó càng đúng nghĩa là lý trí và có khả năng giúp ý chí hành động. Vì thế, Đức Thánh cha Bênêđictô XVI kết luận: "Do đó, lý trí cần tới đức tin để đạt tới mức độ là chính mình hoàn toàn: lý trí và đức tin cần có nhau để thể hiện bản tính của mình và sứ mạng của mình" (s. 23).

Riêng vấn đề tự do, Thông điệp đã đưa ra một suy tư: khi nói tới tự do là ngầm chứa một chọn lựa giữa nhiều chọn lựa. Điều đó đòi hỏi phải có tiêu chuẩn để chọn lựa, tiêu chuẩn khách quan, tiêu chuẩn lớn lao hơn những tiêu chuẩn bình thường. Do đó, tự do đích thực là tự do đón nhận Thiên Chúa là tiêu chuẩn tối cao và hành xử trong cái nhìn cao cả của Thiên Chúa. Như thế, càng bám chặt vào Thiên Chúa, con người càng thực sự tự do trong hành động của mình. Thông điệp nói: "Bởi vì con người luôn tự do, và bởi vì sự tự do của họ lại luôn mang tính cách yếu đuối, vì thế, trên thế gian này không có một trật tự sự thiện hoàn toàn được thiết định... . Sự tự do cần luôn được chiếm hữu mới để trợ giúp sự thiện"(s. 24).

Đó là một số điểm giúp đọc Thông điệp "Được Cứu rồi nhờ Hy vọng". Tuy nhiên, việc đọc chính bản văn sẽ giúp chúng ta hiểu rõ ràng giáo huấn của Đức Thánh cha với những áp dụng cụ thể của mình.

Chúng ta đọc Kinh mà chính Đức Thánh cha đã soạn ra trong đoạn cuối của Thông điệp này (s. 49-50): Thánh Maria, Mẹ thuộc về hàng những tâm hồn khiêm hạ và cao cả trong Israel, là những người, như ông Simeon nói, họ chờ mong "niềm an ủi của Israel" (Lc 2,25), và như Bà Anna, họ chờ mong "ơn cứu rỗi của Giêrusalem" (Lc, 2,38). Mẹ đã sống trong sự tiếp xúc thân mật với Sách Thánh của Dân Israel, là những sách nói về Niềm Hy vọng về lời hứa gửi tới ông Abraham và miêu duệ của ông (x. Lc 1,55). Do đó, chúng con hiểu được sự lo sợ thánh thiện đã chiếm hữu Mẹ, khi sứ thần Thiên Chúa hiện ra và thưa với Mẹ, là Mẹ sẽ sinh hạ Đấng là Niềm Hy



Vọng của Israel và là Đấng thế gian mong đợi. Chính nhờ Mẹ, và qua tiếng "Xin Vâng" của Mẹ, Niềm Hy vọng từ ngàn năm đã trở thành hiện thực, đi vào trong thế gian này và trong lịch sử của thế giới. Mẹ đã nghiêng mình trước sự cao cả của nhiệm vụ và Mẹ nói lên tiếng "Xin Vâng": Đây đây là Nữ tỳ của Chúa, xin vâng như lời sứ thần truyền"(Lc 1,38). Khi lòng Mẹ tràn ngập niềm vui thánh thiện, Mẹ vội vã rảo bước qua các núi đồi miền Giuđêa để đến thăm bà Elisabeth, người chị họ của Mẹ, Mẹ đã trở nên hình ảnh của Giáo Hội tương lai, là Giáo Hội mang theo từ cung lòng của mình Niềm Hy vọng của thế giới, xuyên qua các núi đồi của lịch sử. Nhưng bên cạnh niềm vui, mà trong Kinh Magnificat của Mẹ, cùng với lời ca và tiếng hát, Mẹ đã làm chan hoà suốt dòng lịch sử niềm hoan lạc này, Mẹ cũng biết những lời xác quyết đen tối của các tiên tri về những đau khổ của Người Tôi Tớ của Chúa trong thế gian này. Khi Ngài sinh ra tại máng cỏ Bêlem đã toả rạng ánh rạng ngời của các thiên sứ mang tin vui cho các mục đồng, đồng thời loan báo cho biết sự nghèo khó của Thiên Chúa trong thế gian này quả thật đã ứng nghiệm. Cụ già Simeon đã loan báo cho Mẹ về lưỡi gươm sẽ đâm thấu qua lòng Mẹ (x. Lc 2,35), về dấu chỉ sự mâu thuẫn mà Người Con của Mẹ sẽ ứng nghiệm trong thế gian này. Rồi khi Chúa Giêsu bắt đầu hoạt động công khai, Mẹ đã cùng tham dự vào đó, để một gia đình mới có thể lớn lên, và để thiết lập gia đình này, Con Mẹ đã đến và đã phải phát triển nhờ vào sự cộng tác của những người sẽ nghe và sẽ tuân giữ lời của Ngài (x. Lc 11,27tt). Cho dù tất cả sự lớn lao và hoan lạc của bước đầu của thời kỳ đầu hoạt động của Chúa Giêsu, thế mà ngay tại hội đường Nazareth, Mẹ đã phải chứng nghiệm sự thật của lời nói về dấu chỉ sự chống đối (x. Lc 4,28tt). Như thế, Mẹ đã nhìn thấy quyền lực lớn mạnh của sự thù nghịch và của thái độ phủ nhận từ từ được xác nhận chung quanh con người của Chúa Giêsu cho tới giờ Ngài ở trên thập giá. Nơi đó, Mẹ chiêm ngưỡng Đấng Cứu Thế của trần gian, Người thừa tự của dòng dõi David, Con Thiên Chúa, mà nay chịu chết như một người hoàn toàn thất bại, trở nên trò cười cho thiên hạ, ở giữa những tội phạm. Lúc đó, Mẹ lại nhận được lời phán rằng: "Đây là con Bà"(Ga 19,26). Từ Thập giá, Mẹ nhận lãnh một sứ mệnh mới và chính từ thập giá Mẹ trở nên người mẹ theo cách thức mới - người mẹ của tất cả những ai muốn tin vào Con của Mẹ - Chúa Giêsu, và muốn đi theo Ngài. Lưỡi gươm của khổ đau đâm thấu qua con tim của Mẹ. Như vậy, Niềm Hy vọng đã chết đi hay sao? Và thế giới trở nên hoàn toàn không ánh sáng sao? Cuộc đời trở nên vô mục đích sao? Có lẽ vào giờ này, ở tận nơi thẳm nhất của lòng Mẹ, Mẹ lại nghe thấy một lần nữa tiếng thiên sứ báo cho Mẹ, qua đó thiên sứ đã trả lời cho sự sợ hãi của Mẹ lúc truyền tin: "Đây Cô Maria, đừng sợ!" (Lc 1,30). Biết bao nhiêu lần Chúa Giêsu, Con của Mẹ, đã nói một lời đó với các môn đệ của Ngài: Đừng sợ gì! Trong đêm tối trên đỉnh Golgotha, Mẹ cũng đã được nghe lại lời này. Trước giờ chịu nộp mình, Ngài đã nói với các môn đệ của Ngài rằng: "Các con hãy tin tưởng, Ta đây, Ta là người chiến thắng thế gian" (Ga 16,33). "Các con đừng để lòng xao xuyến và sợ hãi" (Ga 14,27). "Hỡi Maria, đừng sợ!" Vào giờ ở Nazareth, thiên sứ đã nói với Mẹ như sau: "Vương quốc của Ngài vô cùng tận" (Lc 1,33). Như vậy, chẳng lẽ Ngài kết thúc trước khi bắt đầu chăng? Không phải thế, đứng bên Thập giá,

dựa vào chính lời của Chúa Giêsu, Mẹ trở nên người mẹ của những kẻ tin. Trong đức tin này, vào đêm âm u tối tăm của ngày Thứ Bảy Tuần Thánh, đức tin này lại là sự chắc chắn của Niềm Hy vọng. Mẹ đi ra để gặp gỡ vào buổi sáng Phục Sinh. Niềm hoan lạc của biến cố Phục Sinh đã đánh động tâm hồn của Mẹ và đã đem Mẹ tới hợp nhất với các môn đệ theo cách thức mới, vì họ được kêu gọi để làm nên gia đình của Chúa Giêsu trong đức tin. Như vậy, Mẹ ở giữa cộng đoàn những kẻ tin, là những người sau ngày Chúa Giêsu về trời đã một lòng một ý cầu xin ơn Chúa Thánh Thần (x. Cv 1,14) và rồi họ được lãnh nhận ơn này vào Ngày Lễ Hiện Xuống. "Vương quốc" của Chúa Giêsu thật khác với điều người ta có thể tưởng tượng ra. "Vương quốc này bắt đầu từ giờ phút này và sẽ kéo dài đến vô cùng vô tận. Như vậy, Mẹ ở giữa các môn đệ như một Người Mẹ, như Người Mẹ của Niềm Hy vọng. Thánh Maria, Đức Mẹ Chúa Trời, Mẹ của chúng con, xin Mẹ dạy chúng con biết tin, biết cậy và kính mến cùng với Mẹ. Xin Mẹ chỉ cho chúng con nẻo đường đi về Nước của Chúa. Lạy Mẹ là Ngôi sao Biển cả, xin chiếu sáng trên chúng con và hướng dẫn chúng con trên đường chúng con đi!

Rôma, ngày 04-12-2007

Mùa Vọng

Lm. Phanxicô Borgia Trần Văn Khả